

LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

QUYỂN 70

Phân Nhiếp Quyết Trạch
Địa Thanh Văn

Đoạn 4:

Lại nữa, các Trí sáng tỏ có năm thắng lợi:

1. Có thể ở nơi đối tượng nhận thức diệt trừ tất cả tối tăm.
2. Có thể đem các công đức thế gian xuất thế gian vui thích thâm nhận nơi chỗ nương dựa là thân.
3. Có thể chánh quán, thấy rõ nghĩa chưa thấy.
4. Có thể ở trong hiện pháp ban cho an lạc bậc nhất.
5. Sau khi thân hoại, có thể dự vào nẻo thứ nhất.

Lại nữa, do mười lăm thứ đức có sai biệt, nên các trí sáng tỏ hơn hẳn ánh sáng ban ngoài. Những gì là mười lăm đức? Đó là:

- Ánh sáng bên ngoài dùng Sắc làm tánh. Ánh sáng của các Trí dùng Huệ làm tánh.

- Ánh sáng bên ngoài có thể làm hại sự ngăn che bên ngoài. Ánh sáng của các Trí có thể làm hại sự ngăn che bên trong.

- Như vậy, phi thường được yêu thích, thường được yêu thích. Không thể phân cho khắp các hữu tình, có thể phân cho khắp các hữu tình. Xuất hiện rồi trở lại ẩn mất, xuất hiện rồi không mất. Có sắc, không sắc. Thô, tế. Có tối tăm trái nhau, không có tối tăm trái nhau. Động, chẳng động. Không thể tạo nghĩa lợi cho tất cả hữu tình, có thể tạo nghĩa lợi cho tất cả hữu tình. Dẫn các chúng sanh hưởng đến chốn từng hưởng đến, dẫn các chúng sanh hưởng đến chốn chưa từng hưởng đến. Không thể khai phát tất cả chỗ che phủ, có thể khai phát tất cả chỗ che phủ. Không thể ẩn giấu nơi đã hiển bày, có thể ẩn giấu nơi đã hiển bày. Không thể phát khởi vô lượng ánh sáng soi chiếu, có thể phát khởi

vô lượng ánh sáng soi chiếu. Trái hại nơi nhận thức, không trái hại nơi nhận thức, nên biết cũng thế.

Lại nữa, có ba thứ điều phục thiện:

1. Trừ diệt.
2. Chế phục.
3. Loại bỏ tùy miên.

Lại có ba thứ tịch tĩnh:

1. Các tâm tư ác không thể nhiễu loạn.
2. Không bị các tướng làm động loạn.
3. Nơi bên trong tự nhiên thường hỷ lạc.

Lại có ba thứ dừng lặng:

1. Dừng lặng của thân.
2. Dừng lặng của ngữ.
3. Dừng lặng của ý.

Lại có ba thứ Phạm chí:

1. Phạm chí hướng đến.
2. Phạm chí trụ nơi quả.
3. Phạm chí đạt đến cứu cánh.

Như vậy, Sa-môn cũng có ba loại.

Lại có ba loại Bà-la-môn:

1. Bà-la-môn giả danh.
2. Bà-la-môn chủng tánh.
3. Bà-la-môn chánh hành.

Lại nữa, do bốn nhân duyên nên khiến Thi-la bị hoại. Thi-la bị hoại nên pháp thiện nương dựa nơi chỗ ứng hợp của Thi-la để sanh khởi đều không được sanh. Bốn nhân duyên là:

1. Đối với tội “vô dư” dấy khởi hủy phạm. Đối với tội “hữu dư” không sám hối, dứt trừ.
2. Đối với các chỗ đã phạm, không nhớ nghĩ đến.
3. Ở trong chỗ không phạm chấp là có phạm.
4. Ở trong chỗ có phạm chấp là không phạm.

Do bốn nhân duyên nên gọi là Giới đầy đủ. Tức cùng trái với bốn thứ trên, nên biết về tướng của chúng.

Lại nữa, do hai nhân duyên nên khiến Giới được thọ thanh tịnh đầy đủ:

1. Thanh tịnh do trợ bạn.
2. Thanh tịnh do tự tánh.

- Thế nào gọi là Thanh tịnh do trợ bạn? Nghĩa là kiến thanh tịnh,

phép tắc thanh tịnh, mạng thanh tịnh.

- Thế nào là Thanh tịnh do tự tánh? Nghĩa là cung kính tùy học đủ phần. Tùy học lại có sai biệt. Tức do ba nhân duyên khiến Giới đã thọ thanh tịnh đầy đủ:

1. Ý lạc thanh tịnh.
2. Mạng thanh tịnh.
3. Hành thanh tịnh.

- Thế nào là Ý lạc thanh tịnh? Nghĩa là vì giải thoát nên tu hành phạm hạnh, không phải vì cầu được sanh thiên.

- Thế nào là Mạng thanh tịnh? Nghĩa là như pháp cầu xin để tự sanh sống.

- Thế nào như pháp cầu xin để tự sanh sống? Nghĩa là như chỗ nên cầu, như chỗ nên theo cầu để cầu xin.

- Thế nào gọi là như chỗ nên cầu? Nghĩa là không đối trá để có chỗ cầu. Cũng không nói lời thêu dệt để có chỗ cầu. Cũng không hiện bày tướng để có chỗ cầu. Cũng không đè ép bức bách để có chỗ cầu. Cũng không dùng lợi để trông mong nơi lợi.

- Thế nào gọi là như chỗ nên theo cầu? Nghĩa là trừ năm thứ nơi chốn không nên hành để có chỗ cầu.

- Thế nào là Hành thanh tịnh? Tức là tin sâu xa về chỗ phạm, tức có quả không đáng yêu thích. Hoặc hành hoặc trụ luôn giữ niệm tư duy, trọn không cố phạm. Nếu như có chỗ phạm, tức liền theo kẻ khác như pháp sám hối dứt trừ, thể nơi vị lai ngăn giữ kiên cố.

Lại nữa, nếu có Bí-sô muốn siêng năng gia hạnh, giữ kín căn môn, nên dùng bốn tướng để nhận biết rõ về lỗi lầm của vọng niệm, cùng dùng bốn tướng để nhận biết rõ về tác ý không như lý.

Thế nào là bốn tướng để nhận biết rõ về lỗi lầm của vọng niệm?

1. Thiếu niệm.
2. Niệm kém.
3. Mất niệm.
4. Niệm loạn.

Thiếu niệm: Nghĩa là đối với pháp giữ kín các căn môn, không lắng nghe, không thọ nhận, không khéo biết rõ.

Niệm kém: Tức đối với pháp kia, tuy có lắng nghe, thọ nhận, khéo biết rõ, nhưng không thường xuyên hành tác, không phải là sự tạo tác dốc sức, hoặc tu hoặc tập, hoặc tu tập nhiều.

Mất niệm: Nghĩa là, tuy tu tập, cũng tu tập nhiều, nhưng hoặc có khi không nhận biết đúng đắn để hành trì.

Niệm loạn: Nghĩa là, ở trong chỗ không tạp nhiễm sanh khởi tướng tạp nhiễm; trong chỗ tạp nhiễm sanh tướng không tạp nhiễm.

- Thế nào là dùng bốn tướng để nhận biết rõ về tác ý không như lý?

1. Nhân sanh phiền não.
2. Cùng tương ứng với tạp nhiễm sanh.
3. Hủy hoại xấu hổ.
4. Khởi phạm thác loạn.

- Nhân sanh phiền não: Nghĩa là như có một hữu tình, chấp giữ nơi tướng, chấp giữ nơi các thứ “tùy hảo”, do nhân duyên ấy nên đối với xứ sở này, pháp ác, bất thiện theo tâm tràn ra.

- Cùng tương ứng với tạp nhiễm sanh: Tức cùng với pháp ác, bất thiện kia cùng hành hiện tiền.

- Hủy hoại xấu hổ: Nghĩa là như có một hữu tình, đối với điều nên xấu hổ nhưng không biết xấu hổ. Lại đối với pháp ác bất thiện kia, lúc hiện tiền mà không có xấu hổ.

- Khởi phạm thác loạn: Tức nhân nơi tâm không biết xấu hổ kia, hoặc phạm nơi tội đã phạm, hoặc suy xét để bỏ chỗ đã học.

Lại nữa, đối với việc ăn uống, biết rõ về lượng, siêng năng tu hành, đoạn trừ tám xứ, mới gọi là biết rõ về lượng đầy đủ, đối với sự ăn uống. Những gì là tám? Đó là:

1. Tham đắm về ăn uống.
2. Tham đắm về tự thân.
3. Mạng căn hoại diệt.
4. Đói kém.
5. Thân nặng.
6. Mang bệnh.
7. Mạng không thanh tịnh.
8. Mưu cầu nhiều về cơ nghiệp.

Lại nữa, người thường siêng năng tu tập Du-già giác ngộ, phải đoạn trừ tám xứ, mới được gọi là thường siêng năng tu tập Du-già giác ngộ, chánh hành đầy đủ. Những gì là tám? Đó là:

1. Do oai nghi nên thân khổ nhọc.
2. Tham ái việc ngồi nằm, vui thích ngủ nghỉ.
3. Theo tướng tạp nhiễm.
4. Không siêng năng tu tập pháp đối trị tạp nhiễm.
5. Phi thời mà thức.
6. Bỏ hết mà thức.

7. Phi thời mà ngủ.

8. Bỏ hết mà ngủ.

Lại nữa, dựa vào sáu thứ xuất ly, nên biết đã kiến lập các địa xuất ly. Những gì là sáu thứ? Đó là:

1. Xuất ly không tùy thuận.

2. Xuất ly thiếu sót.

3. Xuất ly nơi nhà.

4. Xuất ly không viên mãn.

5. Xuất ly địa dưới.

6. Xuất ly Tát-ca-da.

Xuất ly không tùy thuận: Nghĩa là năm thứ nương dựa:

1. Không tùy thuận nẻo.

2. Không tùy thuận sanh.

3. Không tùy thuận tinh tấn.

4. Không tùy thuận chướng ngại.

5. Không tùy thuận ái lạc.

Xuất ly thiếu sót: Là thiếu bốn thứ duyên:

1. Thiếu bạn thân.

2. Thiếu lắng nghe.

3. Thiếu do ẩn mất. Hoặc giáo hoặc chứng đều ẩn mất.

4. Thiếu ngọ cụ của thí chủ.

Lại nữa, do bốn thứ lực sanh pháp thiện dục:

1. Do lực của duyên.

2. Do lực của nhân.

3. Do lực của trí.

4. Do lực của hành.

Lại nữa, do bốn thứ viên mãn, nên ở trong pháp Tỳ-nại-da thuyết giảng thiện, xuất gia viên mãn:

1. Hình tướng viên mãn. Nghĩa là có thể tùy thuận không nhiễm ô nơi không có đối tượng tạp nhiễm.

2. Nghiệp viên mãn: Tức như Phật thuyết pháp khéo tùy thuận.

3. Ý lạc viên mãn.

4. Trụ xứ viên mãn.

Lại nữa, do năm nhân duyên, nên biết luật nghi của Thi-la viên mãn:

1. Không đọa lạc.

2. Có thể xuất ly.

3. Không thể chê trách.

4. Không thiếu sót, mất mát.

5. Không cho là đủ.

Lại nữa, dựa vào hai thứ đối trị, nên biết bốn thứ luật nghi gốc.

Hai thứ đối trị:

1. Lực xét chọn.

2. Lực tu tập.

Bốn thứ Luật nghi gốc:

1. Giữ gìn đối với cảnh giới.

2. Giữ gìn đối với phiền não.

3. Giữ gìn đối với triền.

4. Giữ gìn đối với tùy miên.

- Giữ gìn đối với cảnh giới: Nghĩa là lúc trụ nơi tịch tĩnh, siêng năng tu hành, dùng niệm tự giữ đối với các cảnh giới, tâm không trôi tan.

- Giữ gìn đối với phiền não: Nghĩa là lúc cùng hành vị du hành, đối với các cảnh giới đều xa lìa tham ái, tức phân biệt điều ấy, không giữ lấy tướng, cho đến tâm không buông thả.

- Nếu như bấy giờ chấp giữ nơi tướng ấy, lại khởi tùy giác, chấp giữ các “tùy hảo”, tức liền đối với chúng tu tập hành ngăn giữ. Do lực tu tập nên giữ gìn nhãn căn. Đó gọi là giữ gìn đối với triền.

- Chứng sự gìn giữ nhãn căn, đó gọi là giữ gìn đối với tùy miên.

Lại nữa, do năm nhân duyên, nên biết đối với ăn uống biết lượng viên mãn:

1. Dựa nơi sự đối trị.

2. Xa lìa nơi đối tượng bị đối trị.

3. Dựa nơi chỗ tự tạo nghiệp.

4. Dựa nơi xứ.

5. Phân biệt.

Ở đây, thọ nhận lâu: đói dấy khởi. Thọ nhận khổ: ăn uống đầy khởi. Vô về, nuôi dưỡng: Phạm hạnh tăng trưởng. Lực: Có thể trừ bỏ chỗ cần đối trị. Vui: Là hiện pháp lạc trụ. Không tội: Là phước điền thanh tịnh.

An ổn trụ: Là phiền não khổ đoạn trừ, có thể tác chứng, nên tùy miên giảm thiểu. Vô gián, ân trọng, hai thứ gia hạnh nên tinh tấn viên mãn. Gia hạnh ân trọng: Nghĩa là lúc đi đứng ngồi nằm mà thành tựu đầy đủ. Ở trong cái thứ nhất, thứ hai, thứ tư, rất thích hợp cho lúc ngồi. Trong cái thứ ba, thích hợp cho lúc đi. Trong cái thứ năm, thích hợp cho cả hai. Gia hạnh vô gián: Nghĩa là nơi ban ngày cùng phần đầu, phần

sau của đêm nên thường tỉnh thức. Nơi phần giữa của đêm là chính thức hành tập ngủ nghỉ. Vì lìa chỗ giống với sự tử là trong thời gian dài rất nặng nề, mất niệm do ngủ nghỉ liên tục, nên hai chân xếp chồng lên nhau, cho đến tư duy khởi tưởng chính thức hành tập ngủ nghỉ.

Lại nữa, nên ở nơi năm xứ nhận biết về lượng, nhận biết đúng mà trụ.

1. Nơi xứ hành.
2. Nơi xứ quán.
3. Nơi xứ thâm nhận lợi dưỡng, sự cung kính.
4. Nơi xứ thọ dụng các vật dụng nuôi sống.
5. Nơi xứ gia hạnh phẩm thiện.

Do xứ thứ nhất, nên trọn không du hành đến xứ không phải là chốn hành. Cũng không nên ra đi vào lúc chiều tối.

Do xứ thứ hai, nên trước không tác ý mà xem xét, thì phải mau chóng thâm giữ các căn. Nếu trước có tác ý mà xem xét, thì khéo trụ nơi niệm.

Do xứ thứ ba, nên nếu được thọ nhận cùng lúc được kẻ khác kính lễ, thân tướng phải có đủ oai nghi thuận hợp.

Do xứ thứ tư, nên việc thọ dụng y bát cùng các thức ăn uống đều nhận biết về lượng.

Do xứ thứ năm, nên nếu ở chốn tịch tĩnh thì vào ban ngày là kinh hành, ngồi thiền. Hoặc đi, hoặc trụ, hoặc ngồi, hoặc thức đều khó nhận biết về lượng. Về ban đêm, công việc ngủ nghỉ cũng khéo nhận biết về lượng. Nếu có tu tập, quyết trạch về luận nghĩa, hoặc nói năng hoặc im lặng, cũng khéo nhận biết về lượng. Vì khiến cho hai thứ chỗ dựa thích hợp để trừ bỏ ngủ nghỉ cùng các thứ mệt mỏi cũng khéo nhận biết về lượng.

Lại nữa, như có Bí-sô siêng năng tu thần túc, lược do bốn chi gồm thâm các hành đoạn:

1. Chi tu tập.
2. Chi chứng đạt thắng tiến.
3. Chi thông đạt việc giữ gìn đối với tùy phiền não.
4. Chi dẫn phát có thể làm tịnh tùy phiền não.

- Chi tu tập: Là dục, tinh tấn. Vì sao? Vì dựa nơi dục, tinh tấn để tu thần túc.

- Chi chứng đạt thắng tiến: Là tín, khinh an. Vì sao? Vì do chứng đạt thắng tiến, nên dùng tâm tin thanh tịnh nơi giải thoát trên hết. Do khinh an nên dứt trừ mọi thô trọng nơi thân tâm hiện có.

- Chi thông đạt việc giữ gìn đối với tùy phiền não: Là niệm, chánh tri. Vì sao? Vì do chánh niệm nên ngăn giữ tùy hoặc của Chỉ, Quán chưa sanh. Do chánh tri nên thông tỏ tùy hoặc của Chỉ, Quán đã sanh.

- Chi dẫn phát có thể làm tịnh tùy phiền não: Là tư và xả. Vì sao? Vì do tư nên thúc đẩy tâm hôn trầm. Do xả nên nếu tâm trạo cử thì thâm giữ ở bên trong.

Lại nữa, có bốn thứ pháp, đối với định chứng đắc làm duyên tăng thượng:

1. Lắng nghe, xét kỹ.
2. Được sự dạy trao đúng đắn.
3. Đời trước đã thường xuyên hành tập.
4. Đầy đủ kiến văn.

- Lắng nghe, xét kỹ: Là phát khởi vui thích mong muốn, sanh tâm tin tịnh lắng nghe Chánh pháp. Do nhân ấy duyên ấy nên đạt được tâm tánh một cảnh.

- Được sự dạy trao đúng đắn: Tức nhân nơi sự dạy trao thứ lớp, dạy trao thuận hợp, nên phát khởi tinh tấn dũng mãnh mà trụ không gián đoạn. Luôn gắn liền nơi Bồ đề phần, siêng năng tạo phương tiện tu tập mà trụ. Do nhân ấy, duyên ấy nên đạt được tâm tánh một cảnh.

- Đời trước đã thường xuyên hành tập: Nghĩa là trong đời trước, sanh nơi gần gũi đối với các Tĩnh lực, các Đăng chí luôn đã chứng nhập. Do nhân duyên này nên đạt được tâm tánh một cảnh.

- Đầy đủ kiến văn: Tức nghe nhiều biết rộng, giữ lấy, tích tập kiến văn. Tức đối với pháp kia, ở riêng nơi chốn vắng lặng, tư du, lường tính, quan sát, xét kỹ. Do nhân duyên này nên đạt được tâm tánh một cảnh.

Lại nữa, có bảy thứ pháp, vì muốn chứng đắc Tam-ma-địa, nên nhận biết rõ, đúng đắn:

1. Nhân thối chuyển định trong.
2. Nhân thối chuyển định ngoài.
3. Thối chuyển định trong.
4. Thối chuyển định ngoài.
5. Thối chuyển định trong và nhân đối trị.
6. Thối chuyển định ngoài và nhân đối trị.
7. Dựa, giữ hai thứ đối trị kia.

- Nhân thối chuyển định trong: Là biếng trễ.

- Nhân thối chuyển định ngoài: Là trạo cử.

- Thối chuyển định trong: Là hôn trầm, thù miên.

- Thối chuyển định ngoài: Là đối với năm dục diệu, tâm bị tán

loạn.

- Thối chuyển định trong và nhân đối trị: Là khéo giữ lấy tướng để quan sát chính thức.

- Thối chuyển định ngoài và nhân đối trị: Tức đối với thân quan sát về bất tịnh.

Dựa, giữ hai thứ đối trị kia: Là tướng về ánh sáng.

- Thế nào là đối với thân quán pháp Tập trụ? Nghĩa là quán thân này, từ đời quá khứ, cùng các thứ ăn uống nơi hiện mà sanh.

- Thế nào là đối với thân quán pháp Diệt trụ? Là quán thân này, nơi đời vị lai là pháp tử, diệt.

- Thế nào là đối với thân quán pháp Tập Diệt trụ? Là quán thân này, nơi đời hiện tại, do duyên ăn uống nên tăng trưởng trụ lâu, tất sẽ hủy hoại.

Nơi thân hữu: Là đối với thân này khéo trụ nơi niệm kia.

Đối với thân Chân như, hoặc chỉ là Trí xuất thế gian.

Nghĩa là do nơi đạo Xa-ma-tha bên trong. Hoặc chỉ là Kiến xuất thế gian: Nghĩa là do đạo Tỳ-bát-xá-na.

Hoặc chỉ là nhớ nghĩ: Là do đạo xuất thế gian hậu sở đắc ấy.

Thế nào là đối với thân, trụ nơi không chỗ dựa? Nghĩa là dựa nơi các định, tu tập niệm trụ. Tức đối với định kia không có ái vị, cho đến không có trụ chấp.

Thế nào là đối với thế gian không có chấp thủ? Nghĩa là đối với bốn điên đảo đã vĩnh viễn đoạn dứt. Do vĩnh viễn đoạn dứt nên đối với thân v.v... kia hoàn toàn không chấp giữ là tịnh, lạc, ngã, thường.

Lại nữa, nương dựa để nêu đặt, kiến lập năm thứ Bồ-đặc-già-la, là:

1. Các phàm phu hỷ lạc, vui thích.
2. Hành giả kiến tích vui thích vì chướng ngại đã đoạn.
3. Hành giả kiến thú vui thích giải thoát.
4. Hành giả kiến thú đạt đến cứu cánh.
5. Hành giả kiến tích đạt đến cứu cánh.

- Thế nào là Bồ-đặc-già-la phàm phu vui thích hỷ lạc? Nên biết loại này có ba:

Vui thích dục sanh hỷ lạc. Vui thích định có tầm có tứ sanh hỷ lạc.

Vui thích định không tầm có tứ sanh hỷ lạc.

Vui thích định không tầm không tứ sanh hỷ lạc có sai biệt.

- Thế nào là Bồ-đặc-già-la hành kiến tích, vui thích vì chướng ngại đã đoạn? Nên biết loại này có hai thứ:

- Vui thích vì chướng phiền não đã đoạn.

- Vui thích vì chướng định đã đoạn.

Có sai biệt: Bồ-đặc-già-la vui thích vì chướng phiền não đã đoạn: Đối với hiện pháp lạc trụ, chưa được đã được. Đối với tất cả loại đẳng chí có tướng, chưa được thì đã được. Nghĩa là đối với chỗ dựa cùng sự quán xét nơi đối tượng nhận thức có sai biệt.

Bồ-đặc-già-la vui thích vì chướng định đã đoạn: Đối với tất cả thắng xứ, chưa được, đã được. Cùng đối với tất cả biến xứ, chưa được, đã được.

- Thế nào là Bồ-đặc-già-la hành kiến thú vui thích giải thoát? Nghĩa là các ngoại đạo khởi kiến giải như vậy: Ngã là không có. Ngã sở là không có. Ngã sẽ không có. Ngã sở sẽ không có. Họ đối với kiến giải ấy chưa được, đã được.

- Thế nào là Bồ-đặc-già-la hành kiến thú đạt đến cứu cánh? Là đối với xứ Phi tướng phi phi tướng, chưa được, đã được.

- Thế nào là Bồ-đặc-già-la hành kiến tính đạt đến cứu cánh? Nghĩa là đối với sáu xúc xứ vĩnh viễn đoạn trừ trọn vẹn, chứng thọ cứu cánh.

Đó gọi là nương dựa để nêu đặt, kiến lập năm thứ Bồ-đặc-già-la.

Lại nữa, Ô ba sách ca có ba thứ đức:

1. Thanh tịnh.

2. Có thể tạo tác.

3. Có thể dẫn phát.

Thanh tịnh: Là ý lạc thanh tịnh. Giới hạnh thanh tịnh. Chứng thanh tịnh.

- Ý lạc thanh tịnh: Nghĩa là đối với Phật bảo v.v... xa lìa nghi hoặc, không mong cầu sự việc thế gian, chỉ tạo an lành.

- Giới hạnh thanh tịnh: Nghĩa là có thể hành viên mãn học xứ hiện có.

- Chứng thanh tịnh: Nghĩa là có thể chứng đắc thanh tịnh thế gian xuất thế gian.

Có thể thực hiện các sự việc do Tam bảo tạo ra, nên gọi là có thể tạo tác.

Có thể dẫn phát Trí của pháp đồng, pháp chẳng đồng, nên gọi là có thể dẫn phát.

Lại nữa, có ba thứ pháp:

1. Pháp nghe.

2. Pháp hành.

3. Pháp chứng cứu cánh.

Lại, pháp của ngoại đạo là thuyết giảng điên đảo. Giới cấm hiện có không phải là có thể hiện thấy. Nướng dựa nơi nguyện tà mà tu phạm hạnh. Các thứ Đẳng chí hiện có có nhiều phiền não nóng bức không phải là cứu cánh. Không thể hưởng đến cứu cánh, không thể xuất ly, nên cùng với các ngoại đạo, cùng với các phàm phu. Chánh pháp của chư Phật cùng với pháp kia là trái nhau, là thuyết giảng về chân thiện, là có thể hiện thấy, cho đến bậc Trí tự nội chứng đắc.

Lại nữa, thứ lớp được xả của các dục sẽ nêu bày rõ. Trước, chỗ nên tạo tác, do đầy nên được. Nghĩa là do bố thí, trì giới, đối với dục ấy có thể đạt được, nghĩa là ở trên cõi Trời. Do đầy thọ dụng nghĩa là do ái vị. Do đầy nên xả, nghĩa là do lỗi lầm, tai họa. Như đầy sai biệt là xả bỏ nơi dục sự và dục phiền não, nghĩa là do xuất ly, xa lìa công năng.

Lại, nếu hiển bày pháp của phẩm thanh tịnh, tức nên xưng tán bốn quả Sa-môn, từ chúng quyết định không có thối chuyển, hoặc đạt xuất thế gian.

Lại nữa, do ba nhân duyên, các vị đồng phạm hạnh phải nên hòa hợp, loại bỏ kẻ phạm giới:

1. Vì nhằm giúp đỡ kẻ khác.
2. Vì kẻ ấy không kham nổi là hàng pháp khí trên hết.
3. Vì kẻ ấy có thể khiến cho Tăng chúng không có uy đức.

Lại nữa, do bốn nhân duyên khiến đối với Thi-la sanh yêu thích sâu xa:

1. Do thầy chỉ dạy xa lìa hai biên, chế lập chỗ học.
2. Do tự nội không có các phiền não mãnh liệt như tham v.v
3. Do trợ bạn hết sức hòa nhã dễ cùng trụ.
4. Do gia hạnh không trụ nơi biếng trễ.

Lại nữa, có bốn thứ quan sát Thi-la:

1. Do cùng trụ, tin biết là có.
2. Đối với ách nạn, tin biết là bền chắc.
3. Do sự việc thế gian, tin biết là không thiếu sót.
4. Do quyết trách về ngôn luận, tin biết không luyến tiếc,

kiến giải không hoại.

Thế nào là tâm hướng đến xa lìa? Nghĩa là lúc trụ nơi chốn ồn ào, náo nhiệt.

Thế nào là tâm hướng đến xuất ly? Là ở nơi làng xóm mà du hóa.

Thế nào là tâm hướng đến Niết-bàn? Là tướng Xa-ma-tha ở nơi

chốn tịch tĩnh.

Lại có sai biệt: Nghĩa là dựa vào sự xa rời phiền não, nói là hưởng đến xa lìa. Dựa vào việc ra khỏi sanh tử, nói là hưởng đến xuất ly. Dựa vào việc nhập cảnh giới Niết bàn, nói là hưởng tới Niết bàn.

Tất cả thọ cùng tương tục diệt, nên gọi là không ảnh, gọi là tịch diệt. Ba khổ vĩnh viễn lìa nên gọi là tịch tĩnh. Phiền não bùng cháy, mọi thứ nóng bức ấy đều vĩnh viễn dứt nên gọi là trong mát. Đạt được dấu tích vô thượng nên gọi là chân phạm.

Lại nữa, do ba lỗi lầm nên không thể lắng nghe Chánh pháp thuận hợp:

1. Tán loạn.
2. Ngu si.
3. Không cung kính.

Lại nữa, có năm thứ tướng, là vật dụng tốt cho văn, tu:

1. Tâm khiêm tốn.
2. Tâm phụng hành.
3. Tâm thâm nhận nghĩa.
4. Tâm khéo thâm nhận nghĩa.
5. Tâm cung kính.

Lại nữa, ở trong pháp Tỳ-nại-da thuyết giảng thiện, lược có năm thứ công đức của đại sư. Nếu có đại sư thành tựu đầy đủ tức có thể che khuất hẳn các sư Bà-la-môn, Sa-môn của ngoại đạo. Những gì là năm? Đó là:

1. Đối với các Giới hạnh trọn không sai lầm.
2. Khéo kiến lập pháp.
3. Khéo chế lập các thứ học.
4. Ở trong việc khéo kiến lập pháp, khéo chế lập các thứ học, tùy chỗ nghi hoặc đều có thể khéo đoạn trừ.
5. Chỉ dạy, trao truyền nẻo xuất ly.

Lại nữa, do ba nhân duyên, nên chỉ có đạo này là có thể đạt được xuất ly, nghĩa là không ngã kiến:

1. Chưa từng được.
2. Hiện có thể đối trị các phiền não.
3. Hiện đối với giải thoát không có sợ hãi.

Lại nữa, có bốn thứ hoan hỷ:

1. Hoan hỷ kiệm ước.
2. Hoan hỷ tích tập phạm hạnh.
3. Hoan hỷ không có hối hận.

4. Hoan hỷ vui thích tu tập, đoạn trừ.

Hoan hỷ thứ nhất có thể dẫn đến an lạc do ít dục. Hoan hỷ thứ hai có thể dẫn an lạc do xa lìa. Hoan hỷ thứ ba có thể dẫn đến an lạc của Tam ma địa. Hoan hỷ thứ tư có thể dẫn đến an lạc của Tam Bồ đề.

Lại nữa, do hai nhân duyên, nên pháp của Phật Thế Tôn gọi là khéo nêu giảng:

1. Ngôn từ, câu văn đều thanh nhã, đẹp đẽ.
2. Dễ có thể thông đạt.

Do hai nhân duyên nên dễ có thể thông đạt:

1. Hoặc văn hoặc nghĩa, dễ nhận biết rõ.
2. Biết rõ về nẻo xuất ly v.v...

Do hai nhân duyên nên gọi là xuất ly:

1. Xuất ly đi đến nẻo thiện.
2. Xuất ly hướng đến Tam Bồ đề. Do

hai nhân duyên hướng đến Tam Bồ đề:

1. Không nghi hoặc.
2. Không thể hủy hoại.

Do hai nhân duyên nên không thể hủy hoại:

1. Thấy không thể hủy hoại.
2. Có Tốt-đổ-ba (tháp miếu).

Do hai nhân duyên nên có Tốt-đổ-ba:

1. Chứng kiên trụ.
2. Có chỗ có thể nương dựa.

Do hai nhân duyên gọi là có chỗ có thể nương dựa:

1. Dựa nơi Trí, không dựa nơi Thức.
2. Đại sư là Như lai Ứng Đẳng Chánh Giác.

Do hai nhân duyên nên Đại sư là Như lai Ứng Đẳng Chánh Giác:

1. Đoạn trừ tất cả nghi.
2. Hành tà không thể đạt được.

Lại nữa, có bốn thứ pháp có thể làm chướng ngại việc đoạn trừ:

1. Không chán lìa.
2. Trí chưa thành thực.
3. Tán loạn.
4. Hôn trầm.

Nên biết huệ nhãn đối với việc tạo ác gọi là mù. Đối với việc tạo phước gọi là có cấu uế. Đối với các ngoại đạo gọi là có màng che.

Lại nữa, tu pháp Niệm trụ, nên nhận biết rõ đúng về mười một pháp tạp nhiễm:

1. Tham.
2. Sân.
3. Si.
4. Tụ.
5. Tán.
6. Trầm.
7. Trạo.
8. Tướng tùy phiền não.
9. Không vui thích xa lìa.
10. Ái vị.
11. Tăng thượng mạn.

Lại nữa, do bốn nhân duyên, nên đạo xuất thế gian dùng đạo thế gian làm trợ bạn:

1. Ngăn giấu các cái.
2. Chế phục phần xa.
3. Chán bỏ sự hủ hoại.
4. Pháp lực được thấm nhuần.

Lại nữa, do bốn thứ tướng, nên biết Như Lai đã chứng đắc thiên nhân hiện hành khắp nơi cảnh nghĩa của tất cả hữu tình:

1. Hiện thấy hữu tình trụ, tạo, có thể chiêu cảm nghiệp của tất cả cõi.
2. Hiện thấy hữu tình trụ nơi vô số vô lượng xứ sanh.
3. Hiện thấy hữu tình có trung hữu tử sanh.
4. Hiện thấy hữu tình không có trung hữu tử sanh.

Lại nữa, người siêng năng tu hành, vì nhằm chứng đắc các pháp vì nhằm thông đạt các pháp, có bảy thứ lần lượt có thể chứng đắc, thông đạt:

1. Đối với vị thuyết pháp phải cung kính thừa sự.
2. Đã thừa sự rồi, thì dốc sức lắng nghe pháp.
3. Đã lắng nghe pháp rồi, thì “pháp tùy pháp hành”.
4. “Pháp tùy pháp hành” nên tâm được trụ gồm thấu chánh phương tiện.
5. Gồm thấu chánh phương tiện nên phát khởi siêng năng tinh tấn.
6. Phát khởi siêng năng tinh tấn nên xa lìa tâm trong ngoài không bình đẳng, khởi xử phương tiện, hai thứ chướng ngại của pháp, tài sản đã được thanh tịnh.
7. Chướng ngại được thanh tịnh, nên đối với Tam ma địa không sanh ái vị, lìa tăng thượng mạn.

Lại nữa, vì nhằm đối trị chín thứ cần được đối trị, nên tu bốn thứ niệm trụ. Chín thứ cần được đối trị:

1. Không chán lìa.
2. Không tác ý.
3. Dứt bỏ quán tùy phiền não.
4. Hôn trầm.
5. Không kham nổi việc tiếp xúc với khó khăn.
6. Đối với pháp thấp kém lại biết đủ.
7. Quên mất sự chỉ dạy, trao truyền.
8. Hủy phạm giới cấm.
9. Dứt bỏ pháp thiện.

Lại nữa, các vị xuất gia có năm lỗi lầm:

1. Lỗi lầm không hỷ lạc.
2. Lỗi lầm tham đắm lợi dưỡng, sự cung kính.
3. Lỗi lầm do tìm cầu thân thuộc.
4. Lỗi lầm của khinh miệt.
5. Lỗi lầm của tăng thượng mạn.

Các người tại gia, nên biết cũng có năm thứ lỗi lầm:

1. Lỗi lầm do tham chấp.
2. Lỗi lầm do quen gần có thể tạo chướng ngại cho các thứ mong muốn.
3. Lỗi lầm do thâm nhận.
4. Lỗi lầm do tạo tác hành ác.
5. Lỗi lầm do không tạo hành thiện.

Lại nữa, kẻ ngu tối có bốn thứ tướng:

1. Không tạo tác việc thiện.
2. Tạo tác hành ác.
3. Hai thứ đã hành tác lẫn lộn.
4. Tuy lại hoàn toàn tạo tác hành thiện, nhưng ở đấy không biết rõ như thật.

Lại có bốn thứ tướng của kẻ ngu tối:

1. Huệ không quyết định.
2. Huệ quyết định tà vạy.
3. Không khởi gia hạnh.
4. Hành tác gian trá.

Lại có bốn thứ tướng của kẻ ngu tối:

1. Hoan hỷ nơi phi xứ.
2. Sầu lo nơi phi xứ.

3. Quyết định gian khổ.
4. Trước không quán xét.

Lại có bốn thứ tướng của kẻ ngu tối:

1. Tư duy tà vạy.
2. Phát khởi tà vạy.
3. Thực hiện công sức phần nhiều không quả.
4. Do nhân duyên này nên sanh nhiều sầu than.

Lại, các kẻ ngu tối đa phần ít phước, vận nghiệp mỏng, kém.

Lại nữa, do năm pháp tương tự, nên biển lớn sanh tử được mang tên là Biển lớn:

1. Tương tự về xứ sở vô biên.
2. Tương tự về sự sâu rộng.
3. Tương tự về sự khó lội qua.
4. Tương tự về không thể uống.
5. Tương tự về chỗ dựa của vật báu lớn.

Lại nữa, do năm nhân duyên, nên đối với các thứ tài thí, pháp thí là hơn:

1. Tài thí, ở trong thân kẻ khác phát khởi hành ác. Pháp thí quyết định khởi các hành thiện.
2. Tài thí, ở trong thân kẻ khác phát khởi phiền não. Pháp thí có thể khiến đối trị phiền não.
3. Tài thí, ở trong thân kẻ khác, dẫn phát liên tục an lạc có tội. Pháp thí có thể khiến dẫn phát liên tục an lạc vô tội.
4. Tài thí, hoặc Phật hiện thế, hoặc Phật không hiện thế, đều dễ có thể đạt được. Pháp thí, nếu không có chư Phật xuất hiện ở thế gian thì khó có thể đạt được.
5. Tài thí thì thí mà có tận cùng, còn pháp thí thì vô tận.

Lại nữa, nên khiến năm tâm theo mình, tự tại mà chuyển, không nên khiến mình theo các tâm kia tự tại mà chuyển. Những gì là năm? Đó là:

1. Tâm của phương tiện hành ác, ở trong hành ác hưởng nhập mãnh liệt.
2. Tâm của phương tiện hành thiện, ở trong hành thiện hưởng nhập không mãnh liệt.
3. Tâm của phương tiện tìm cầu các dục, ở trong phi pháp hung bạo truy cầu các dục, hưởng nhập mãnh liệt.
4. Tâm của phương tiện thọ dụng các dục, sanh khởi tham nhiễm sâu xa, cho đến không nhận thấy lỗi lầm tai họa, không biết nẻo xuất

ly, chỉ hướng nhập thọ dụng.

5. Tâm của phương tiện xuất ly, xa lìa, ở trong sự xuất ly xa lìa, mau chóng thối chuyển. Ở trong các dục, hoặc ở trong các ái vị của Tĩnh lự mau chóng hướng nhập.

Lại nữa, do năm thứ tướng, các phiền não làm mê hoặc hơn hẳn đối với quỷ làm mê hoặc:

1. Nếu bị một quỷ làm mê hoặc, tức chỉ bị một quỷ ấy làm mê hoặc. Nếu bị một phiền não làm mê hoặc, tất bị vô lượng phiền não làm mê hoặc.

2. Nếu bị quỷ làm cho mê hoặc, hoặc dùng chú thuật, hoặc dùng buộc hại, hoặc dùng các vật dụng sinh sống, hoặc dùng các thứ thuốc, dễ có thể trị liệu. Nếu bị phiền não làm cho mê hoặc thì không thể trị liệu.

3. Nếu bị quỷ làm cho mê hoặc, thì đối với thời gian bị mê hoặc dễ có thể nhận biết riêng, kể cả trẻ con cũng có thể biết rõ. Nếu bị phiền não làm cho mê hoặc, sẽ đối với thời gian bị mê hoặc khó có thể nhận biết riêng. Bậc thông tuệ thế gian hãy còn không thể biết rõ.

4. Nếu bị quỷ làm cho mê hoặc, thì sự mê hoặc này là khách, dễ có thể hàng phục, không phải là câu sanh, không tức do sự mê hoặc ấy trở thành tự tánh. Nếu bị phiền não làm cho mê hoặc, thì sự mê lầm này không phải là khách, khó có thể hàng phục, mà là “câu sanh”, tức do sự mê hoặc kia nên thành tự tánh.

5. Nếu bị quỷ làm cho mê hoặc, thì không cùng kết với tất cả hữu tình khác. Nếu bị phiền não làm cho mê hoặc, tất cùng kết chung với tất cả hữu tình khác.

Lại nữa, hoặc có Bí-sô tư duy không như lý, lường xét hư vọng, cho là đế, là thật, nên kiến lập có ngã. Nên biết, chấp này lược có năm thứ lỗi lầm hư dối:

1. Tùy thuận chuyển theo giáo pháp của ngoại đạo.

2. Thâu nhận vọng kiến của ngoại đạo.

3. Nếu như không thuận với ngoại đạo mà chuyển, nhưng đối với họ cùng là đồng pháp.

4. Nếu tùy chuyển theo giáo pháp của ngoại đạo, nên liên tu hành đạo không xuất ly.

5. Tuy không tùy thuận ngoại đạo để chuyển, nhưng đối với đồng pháp lại chuyển ngược thành dị pháp.

Lại có hai nhân duyên:

1. Đối với nhân duyên của hiện quán đế khởi hành tà vạy.

2. Đối với hiện quán để khởi hành tà vạy.

Lại nữa, nương dựa nơi hành dục hành phước, lần lượt đồng cư hành, có sáu thứ tạp nhiễm ái sân, bốn thứ xứ nương dựa, năm thứ đối trị.

Thế nào là sáu thứ tạp nhiễm ái, sân? Đó là:

1. Tham cảnh giới: Do sự quen gần ấy nên có thể gây chướng ngại cho những mong muốn.

2. Giận dữ của oán ghét: Do đấy nên đối với các hữu tình oán phát khởi ghét, giận.

3. Thuận theo tham: Do đấy nên đối với kẻ khác, vâng nhận sự chỉ dạy, không được tự tại, hoặc đối với hữu tình hành tác rộng khắp với đủ loại nào hại, bức bách.

4. Giận dữ tăng thượng: Do đấy nên ở nơi trụ xứ của các hữu tình muốn có nhiều hoan hỷ, an lạc tăng thượng, không muốn khiến họ được hưng thịnh, chỉ muốn tự mình đạt được, cùng khởi xen tạp vô số ganh ghét, không nhẫn, không vui thích biến dị.

5, 6: Có tham về công đức, có giận dữ vì lỗi lầm: Do nhân duyên ấy nên tâm không bình đẳng. Ở trong Tăng chúng tuy hành huệ thí, tu các nghiệp phước, nhưng thường tìm cầu vô số sai biệt. Hoặc tạo tác, không tạo tác, hoặc làm điều xấu ác, tâm mang lo khổ, không trụ an ổn.

Thế nào là bốn thứ xứ nương dựa? Nghĩa là cảnh giới thứ nhất là xứ nương dựa. Các hữu tình còn lại là xứ nương dựa.

Lại, hai xứ nương dựa đầu đều khởi một phần tạp nhiễm. Xứ nương dựa còn lại đều khởi đủ phần tạp nhiễm.

Thế nào là năm thứ đối trị? Đó là:

1. Bất tịnh.
2. Từ.
3. Bi.
4. Hỷ.
5. Xả.

Lại có môn khác về sáu thứ tạp nhiễm ái giận, năm thứ đối trị. Những gì là sáu thứ?

1. Sự tham.
2. Sự sân.
3. Tham sân si tạp nhiễm tham.
4. Không tham không sân không si không tạp nhiễm sân.
5. Không tham không sân không si không tạp nhiễm tham.

6. Tham sân si tạp nhiễm sân.

Những gì là năm thứ đối trị? Nghĩa là bất tịnh cùng với từ và ba thứ tác ý:

1. Tác ý tạp nhiễm không điên đảo.
2. Tác ý không tạp nhiễm không điên đảo.
3. Tác ý tạp nhiễm không tạp nhiễm, không điên đảo, tâm dứt bỏ tham sân.

Lại nữa, có bốn thứ Bồ-đặc-già-la, nên biết xuất gia đạt được năm thứ công đức. Những gì là bốn thứ Bồ-đặc-già-la? Đó là:

1. Tự nương dựa nơi mình.
2. Nương dựa nơi kẻ khác.
3. Đã thành thực.
4. Chưa thành thực.

- Thế nào là nên biết xuất gia đạt được năm thứ công đức? Nghĩa là:

1. Bồ-đặc-già-la tự nương dựa nơi mình, do xuất gia, nên từ bỏ sự cung cấp của cải, vật báu của vua quan v.v... nương nơi Thi-la thanh tịnh không chung. Đó gọi là đạt được công đức thứ nhất.

2. Bồ-đặc-già-la nương dựa nơi kẻ khác, do xuất gia nên dứt bỏ sự tùy thuộc kẻ khác, không tự tại mà chuyển, đạt được chỗ tự nương dựa, không tùy theo kẻ khác, được tự tại chuyển. Đó gọi là đạt được công đức thứ hai.

3. Bồ-đặc-già-la đã thành thực, do xuất gia, nếu không có kiết khác, tức liền đạt được biên vực tận cùng của tất cả khổ. Đó gọi là đạt được công đức thứ ba.

4. Nếu có kiết khác tức liền đạt được biên vực khổ của nẻo ác. Đó gọi là đạt được công đức thứ tư.

5. Bồ-đặc-già-la chưa thành thực, do xuất gia, nên ở trong hiện pháp giải thoát khỏi vô lượng sự bức bách do ưu khổ hiện có nơi đời sống gia đình, tích tập vô lượng thiện căn rộng lớn của phần thuận giải thoát, có thể khiến thành thực nối tiếp nơi vị lai. Đó gọi là đạt được công đức thứ năm.

Lại nữa, có ba thứ khổ cùng chín thứ tướng, nên biết là đã gắn liền với các hành hữu lậu.

Thế nào là ba thứ khổ? Đó là Khổ khổ cho đến Hoại khổ.

Thế nào là chín thứ tướng? Nghĩa là mỗi mỗi khổ đều có ba tướng gắn liền với tất cả pháp hành hữu lậu, nên có chín tướng:

1. Chỗ tùy thuộc của tử.

2. Chỗ tùy buộc của nhân dấy khởi nẻo ác.
3. Chỗ tùy buộc của sanh nơi các nẻo ác.
4. Pháp vô thường.
5. Pháp Khổ ở trong Vô thường.
6. Pháp Vô ngã ở trong Khổ.
7. Hành thuận ái vị sanh trụ lạc.
8. Biến hoại khổ.
9. Tức do biến hoại như thế là tánh khổ.

Người có trí xem đó không phải là pháp xuất ly.

Lại nữa, nếu có Bí-sô thành tựu bốn chi, là vị chủ của đại chúng, mới có thể dạy khuyên thuận hợp, thấu dẫn đồ chúng hiện có, tu hành chánh hạnh tự lợi tự tha. Những gì là bốn chi? Đó là:

1. Giải thoát tùy phiền não.
 2. Không lìa chánh trí.
 3. Vì khiến cho tất cả pháp thiện đã sanh được trụ vững, không quên mất, cần tu tập viên mãn bội tăng rộng lớn, nên thấu gồm, nhận giữ.
 4. Vì khiến cho tất cả pháp thiện chưa sanh được sanh khởi, nên thấu gồm, nhận giữ.
- Thế nào là Bí-sô giải thoát tùy phiền não? Tức là giải thoát năm thứ tùy phiền não. Đó là:
1. Tư duy luyến mộ đời sống gia đình.
 2. Hủy phạm giới cấm.
 3. Nhớ nghĩ chỗ thọ nhận trước, cùng hành phân biệt, tác ý không đúng đắn.
 4. Tham đắm nơi cảnh giới hiện có của vị lai, phát khởi tham, lo.
 5. Đối với pháp thì bồn sển, tiếc lẫn.

Nếu các hàng phàm ngu đối với tự tướng của sắc do bốn đại chủng tạo, không nhận biết đúng như thật, cho đó là cha mẹ vợ con của mình cho đến bằng hữu, quan lớn, thân thuộc cùng anh em v.v..., ở nơi chỗ chỉ là hình sắc, cho là vui cười v.v..., ở nơi chỗ chỉ là động tác hiện có của thân ngữ, thì khởi tưởng hữu tình, tác ý cùng hành. Do nhân duyên ấy nên khởi phân biệt sai lạc, vọng chấp những thứ kia là của mình. Do nhân duyên phân biệt vọng chấp ấy, nên phát sanh vô số tư duy luyến mộ về đời sống gia đình. Các bậc có trí nhận biết rõ, chỉ có tự tướng của các sắc, không có tưởng hữu tình nên có thể giải thoát tùy phiền não thứ nhất.

Lại, các hàng phàm ngu không nhận biết đúng như thật về tướng

của phàm ngu và tướng của bậc Trí. Do không nhận biết đúng như thật, nên đã tư duy, nói năng, hành tác các điều ác, các chỗ hiện hành nơi nghiệp thân ngữ ý đều không thanh tịnh, cũng không có chánh mạng của Giới luật thanh tịnh. Các bậc có trí đều nhận biết đúng như thật, nên biết tất cả cùng với các thứ trên là trái nhau, nên có thể giải thoát tùy phiền não thứ hai.

Lại, các hàng phàm phu, ở nơi không phải như lý không thể nhận biết đúng như thật là không phải như lý. Ở nơi như lý, cũng không thể nhận biết đúng như thật là như lý. Đối với các pháp hợp ý thuận theo tham dục đã thọ nhận trước, tác ý không đúng đắn, khởi tâm tứ dục, chấp chặt không bỏ, không dứt, không loại trừ hẳn. Đối với pháp không hợp ý, vì thuận theo giận dữ, khởi tâm tứ sân. Đối với pháp thuận theo hại, không hợp ý, khởi tâm tứ hại. Phần còn lại như trước đã nói.

Các bậc có trí, đối với chỗ như lý, đều có thể nhận biết đúng như thật đây là như lý. Đối với chỗ không như lý, có thể nhận biết đúng như thật đây là không như lý. Đối với chỗ đã thọ nhận trước, như trước đã nói về các pháp sai biệt. Hoặc không nhớ nghĩ, hoặc chánh tư duy, hoặc không mất niệm, nơi đối tượng duyên kia không khởi tâm dục, cho đến không khởi tâm hại. Nếu như có sanh khởi thì không chấp giữ chặt, nói rộng như trước. Nên có thể giải thoát tùy phiền não thứ ba.

Lại, các hàng phàm ngu, đối với công đức phòng hộ các căn, không nhận biết đúng như thật. Không ngăn giữ đối với các lỗi lầm tai họa, cũng không nhận biết đúng như thật, đối với biệt cảnh hiện tiền của đời hiện tại, phát sanh sân, ái tạp nhiễm. Tâm ấy đối với cảnh giới của các sắc v.v... hợp ý, mong muốn mến mộ được thấy. Đối với cảnh giới của sắc v.v... không thể yêu thích tâm sanh chán bỏ. Nơi cảnh vừa ý tâm sanh mong cầu, mến mộ. Đó gọi là tham. Kẻ mang tham ấy, nếu khi cảnh giới kia biến hoại, tâm liền buồn bực, đó gọi là ưu. Các bậc có trí, nơi tất cả đạo lý, nên biết thấy đều trái nhau với đây, nên có thể giải thoát tùy phiền não thứ tư.

Lại, các hàng phàm ngu, ở trong các thứ tham dục không phải là Chánh pháp, không thể nhận biết đúng như thật về lỗi lầm tai họa của chúng, thường bị chìm nổi do bốn thứ keo kiệt khác, lại dấy khởi keo kiệt về pháp. Các bậc có trí, đối với những thứ lỗi lầm tai họa kia đều có thể nhận biết đúng như thật. Đối với bốn thứ keo kiệt còn lại hãy còn không sanh khởi, nếu như có khởi tâm xả thì trọn không chấp chặt, hướng hồ là khởi keo kiệt về pháp. Bậc có trí ấy đã xa lìa sự keo kiệt về pháp như thế, nếu gặp các hữu tình ưa thích pháp, tức vì họ tuyên thuyết

các kinh, luật, luận do bậc Đại sư đã thuyết giảng, là Thánh giáo tương ứng, khiến họ thọ trì, rộng vì họ phân biệt, khai thị liên tục, trọn không ẩn giấu, nên có thể giải thoát tùy phiền não thứ năm. Đó gọi là Bí-sô thành tựu chi thứ 1: Giải thoát tùy phiền não.

- Thế nào là Bí-sô không lìa chánh trí? Nghĩa là có bốn trí. Những gì là bốn trí? Nghĩa là dựa nơi sự lìa nhiễm đầu tiên, nối tiếp thông đạt về tám chi Thánh đạo, kiến lập Trí thứ nhất. Dựa nơi sự chứng thành đầy đủ tám chi Thánh đạo để kiến lập ba Trí còn lại. Nghĩa là có Bí-sô trụ nơi phần vị phạm phu, khởi tư duy: Chỉ ở trong Thánh pháp Tỳ-nại-da của chư Phật, Thế Tôn mới có tám chi Thánh đạo, không phải trong pháp nơi dị luận của các ngoại đạo có đạo như thế. Nếu ở nơi xứ ấy có tám chi Thánh đạo, tức ở nơi xứ ấy có quả Sa-môn, có các Sa-môn cùng nghĩa Sa-môn, đó là Niết-bàn. Ta nay vì nhằm chứng đắc quả Sa-môn, nghĩa Sa-môn của Sa-môn, nên phải phát khởi việc tu tập tám chi Thánh đạo, khiến được thanh tịnh. Do hành như thế, nên ở trong tám chi Thánh đạo đạt được Trí hiện có.

Đó gọi là dựa nơi sự thông đạt tám chi Thánh đạo kiến lập Trí thứ nhất. Tức do Trí này làm chỗ nương dựa để kiến lập. Vì nhằm chứng đắc, thành tựu đầy đủ như chỗ thông tỏ về tám chi Thánh đạo, nên tinh tấn dũng mãnh tu ba Trí còn lại, là Trí do Văn tạo thành, Trí do Tư tạo thành và Trí do Tu tạo thành. Vị kia vì siêng năng tu tập Trí do Văn tạo thành, cũng khiến cho Trí ấy được thanh tịnh, nên câu nghe Chánh pháp. Nếu có người nêu giảng pháp Tỳ-nại-da do Đức Như Lai chứng đắc, tức liền đi đến nơi ấy cung kính nghe nhận, hoan hỷ chứng đắc pháp diệu thiện rộng lớn thuộc về xuất ly.

Tự tướng cao vượt hơn nên gọi là rộng lớn. Tự tánh không tội nên gọi là diệu thiện. Tương ứng với Niết-bàn nên gọi là thuộc về xuất ly.

Lại vì siêng năng tu tập Trí do Tư tạo thành, cũng khiến cho Trí ấy được thanh tịnh. Nếu biết xứ ấy có các Bí-sô trì kinh, luật, luận, thường cùng tập hội để xét đoán, quyết trạch về nghĩa chánh yếu, ẩn mật sâu xa trong ba tạng, tức liền đi đến nơi đó, thỉnh vấn về các đế. Vị ấy tức vì nhằm kiến lập tự tướng hiện có của các đế, nên tạo phương tiện chứng đắc, trước chưa giác ngộ khiến được giác ngộ, nếu đã giác ngộ thì mở bày chỉ bảo khiến nhận biết. Tức nơi một nghĩa, văn tự có sai biệt, thì tạo phương tiện khuyên dẫn khiến không quên mất.

Lại, đối với các đế tương ứng với vô ngã, là chỗ dựa để chứng đắc câu nghĩa thâm diệu, nên dùng huệ thông đạt, rộng vì họ khai thị pháp cú vi diệu tương ứng với tánh Không đã được Như Lai thuyết giảng. Do

nhân duyên này nên vị kia đã chứng đắc hai trí do Văn, Tư tạo thành, đạt được thanh tịnh.

Lại siêng năng tu tập Trí do Tu tạo thành, cũng khiến cho Trí ấy được thanh tịnh, nên đối với nội thân tuần tự quán thân, cho đến nói rộng là tu bốn niệm trụ, đều nên biết rõ. Như vậy gọi là dựa nơi sự chứng đắc, thành tựu đầy đủ tám chi Thánh đạo để kiến lập ba Trí.

Đó gọi là Bí-sô thành tựu chi thứ hai: Không lìa chánh trí.

- Thế nào là Bí-sô, vì khiến cho pháp thiện hiện có đã sanh trụ vững không quên, nói rộng cho đến thâm gồm, nhận giữ? Nghĩa là các Bí-sô, dựa nơi tài sản, thực phẩm bên cạnh các thí chủ có niềm tin thanh tịnh, theo như lượng nhận lấy các vật như y phục v.v..., gọi là nhận giữ. Vì sao? Vì các Bí-sô do nhân duyên này, nên thân không yếu kém, tâm có năng lực, tâm không nhiễm nã, pháp thiện đã sanh tăng trưởng, không thối mất.

- Thế nào là Bí-sô, vì khiến cho tất cả pháp thiện chưa sanh được sanh khởi nên gồm thâm, nhận giữ? Nghĩa là các Bí-sô tuổi cao, đức trọng, giới hạnh thanh tịnh, nhận biết rõ về pháp hỷ lạc hiện có của Niết bàn, đối với các thứ hỷ lạc khác là tối thượng, bậc nhất, nên đã khéo tu tập Thánh đạo, lìa tăng thượng mạn. Nếu có Bí-sô, có thể đối với chư vị ấy lễ kính, thừa sự, khéo nói, tùy hỷ, lìa mọi dua nịnh, quanh co, không cầu tâm vượt hơn. Ở đây có thể sanh các pháp kia, gọi là nhận giữ. Vì sao? Vì các Bí-sô kia, do lúc tùy chuyển đúng đắn như thế, nên nơi từng thời gian, từ chư vị kia đạt được sự chỉ dạy khuyên bảo, trao truyền, có thể phát khởi hoan hỷ thù thắng, có thể khiến cho tất cả pháp phần Bồ đề diệu thiện chưa sanh, mau chóng được sanh khởi.

Bốn chi như thế, phân biệt thành mười một. Mười một cùng với bốn là bình đẳng.

